TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST Ngày 20-7-2023 V/v tranh chấp xác định con cho cha	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Lương Thị Mai Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị M, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Đông, xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh T trình bày:

Năm 2020 anh T có quan hệ tình cảm với chị M và chị M đã có thai. Khi có quan hệ tình cảm với chị M, anh T không biết chị M đã có chồng và có con riêng. Ngày 24 tháng 5 năm 2021 chị M sinh được 01 con trai tại Bệnh viện Đa khoa huyện N theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS ngày 24 tháng 5 năm 2021 của

Bệnh viện Đa khoa huyện N. Sau khi chị M sinh con không đăng ký được khai sinh cho con thì anh T mới biết chị M đã có chồng tên Hưng và có 02 con riêng. Chị M và anh Hưng đã sống ly thân nhau nhưng chưa ly hôn. Anh T đã đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng xét nghiệm gen (ADN) của anh T và gen (ADN) của con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Bệnh viện Đa khoa huyện N, kết quả giám định ADN kết luận anh T và cháu bé do chị M sinh ra có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Nay anh T yêu cầu Toà án giải quyết xác định con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N là con đẻ của anh T.

Bị đơn là chị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để chị M có mặt tại phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh H có mặt tại phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn là anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T, xác định con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N là con đẻ của anh T. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh T vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là anh T, bị đơn là chị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H.

[2] Về yêu cầu xác định con cho cha của nguyên đơn là anh T: Nguyên đơn là anh T yêu cầu Toà án giải quyết xác định con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N là con đẻ của anh T. Bị đơn là chị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để chị M và anh H có mặt tại phiên toà trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T nhưng chị M và anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Xét chị M và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 9 năm 2019. Chị M và anh H đã sống ly thân nhau nhưng chưa ly hôn. Trong thời gian chị M và anh H sống ly thân chị M có quan hệ tình cảm với anh T. Ngày 24 tháng 5 năm 2021 chị M sinh được 01 con tại Bệnh viện Đa khoa huyện N theo Giấy chứng sinh 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N. Như vậy chị M sinh con trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh H nhưng căn cứ kết luận giám định số 69/KL-KTHS(SH) ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận anh T là cha đẻ của cháu bé sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N. Vì vậy căn cứ Điều 88, Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T, xác định con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N là con đẻ của anh T.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008139 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh T, xác định con do chị M sinh ra ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 0733/2021/BVTN-GCS của Bệnh viện Đa khoa huyện N là con đẻ của anh T.

2. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008139 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA